

Số: 302/2019/QĐST-VDS

Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.**

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 298/2019/TLST-VDS, ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Phú C, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 183, đường H, Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh B.

- Bà Lê Thị D, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 18/6, đường P, Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phú C và bà Lê Thị D là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 22/3/2013 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh B. Ông C và bà D đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông C và bà D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc ông C và bà D thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông C và bà D thỏa thuận: Giao con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 05/5/2013 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông C và bà D thỏa thuận ông Trần Phú C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Do cháu Trần Minh Q bị bệnh động kinh chậm phát triển nên ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Minh Q tính từ ngày Tòa án ban hành quyết định công nhận thuận tình

ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi ông Trần Phú C hoặc cháu Trần Minh Q qua đời.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 110, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 12/6/2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phú C và bà Lê Thị D thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyền số 01/2013, ngày 22/3/2013 của UBND phường H, thành phố T, tỉnh B cấp cho ông C và bà D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 05/5/2013 cho bà Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Phú C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Minh Q mỗi tháng 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày ban hành quyết định này cho đến khi ông Trần Phú C hoặc cháu Trần Minh Q chết.

Kể từ ngày thỏa thuận có hiệu lực pháp luật và bà Lê Thị D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông C còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với

người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Trần Minh Q, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Phú C và bà Lê Thị D mỗi người nộp số tiền là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016-0034074 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường H, thành phố T, tỉnh B;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hoa Hạnh